

Bản án số: **116/2022/DSPT**

Ngày: 31/5/2022

V/v: “*Tranh chấp về tiền bồi hoàn
và yêu cầu BTTH ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Liên**

Bà **Võ Bích Hải**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:* Bà Đỗ Thị Hồng Nhi

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp về tiền bồi hoàn và yêu cầu BTTH ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T.**, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: 373E khu vực P., phường T., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Sỹ K.** (Có mặt)

* Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn T.** (vắng mặt)

Địa chỉ: 569B khu vực P., phường T., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

2. **Văn phòng công chứng T.N.**

Địa chỉ: T1 – 6 T. Plaza, đường V., phường Ph., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh C.** (Có mặt)

Địa chỉ: 178 đường 30/4, phường A., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **CN., TP. Cần Thơ (Nay là BQL.)** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 162 đường M., phường Ph., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Đinh Văn Tài**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: 373E khu vực P., phường T., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Trần Thị T. trình bày:

Vào ngày 27/04/2016, bà, ông Đinh V.T.và ông Nguyễn Văn T. có ký hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng T.N.. Khi ký hợp đồng ủy quyền thì nội dung ủy quyền không được biết rõ vì bà không có biết chữ, sau này biết thì bà khởi kiện tại bản án sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án hai cấp tại Cần Thơ thì không đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền này. Phạm vi ủy quyền thì bà có đồng ý cho ông Nguyễn Văn T. thực hiện công việc theo Điều 1 phạm vi ủy quyền của hợp đồng ủy quyền nói trên gồm: Nhận tiền bồi thường đất, vật kiến trúc và hoa màu, nhận nền tái định cư khi nhà nước thực hiện giải tỏa... chứ không có ủy quyền nhận tiền bồi thường nhà, các chính sách hỗ trợ khác. Sau khi có bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì bà liên hệ với Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất quận Cái Răng để nhận tiền bồi thường nhà và các chính sách hỗ trợ thì Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất mới nói cho bà biết đã giao toàn bộ tiền bồi thường cho ông T. nên bà xin cung cấp số tiền cũng như hợp đồng ủy quyền thì mới phát hiện trong nội dung hợp đồng ủy quyền ngày 27/04/2016 có thêm chữ nhà mà trước đó không có.

Nay thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T. và Văn phòng công chứng T.N. có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 825.233.600 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm đồng) và lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/10/2017 cho đến khi xét xử xong.

Bị đơn Văn phòng công chứng T.N. – ông Trần M.H.trình bày: Vào ngày 27/04/2016, Văn phòng công chứng T.N. có công chứng hợp đồng ủy quyền giữa bà Trần Thị T., ông Đinh V.T.với ông Nguyễn Văn T.. Phạm vi ủy quyền giống như điều 1 của hợp đồng ủy quyền thể hiện tại bút lục 04 trong hồ sơ vụ án. Hợp đồng ủy quyền này do do nhân viên soạn thảo hợp đồng theo mẫu. Trong điều khoản của hợp đồng có ghi nhận tiền bồi thường hoa màu, vật kiến trúc,... khi hai bên đã thực hiện xong việc ký hợp đồng thì ông đã chứng nhận vào hợp đồng. Sau

đó, nhân viên nghiệp vụ của Văn phòng công chứng có góp ý là đối với việc nhận tiền bồi hoàn có khi cơ quan chức năng có yêu cầu ghi rõ hơn nên đề nghị ông ghi thêm chữ nhà để bổ sung cho rõ. Do vậy, qua ngày hôm sau ông có gọi điện thoại cho hai bên trở lại Văn phòng công chứng để điều chỉnh lại lỗi kỹ thuật như trên, ông T. có quay lại, ông V.T. có trả lời là sẽ đến Văn phòng công chứng.

Theo quy định của luật công chứng thì khi chỉnh sửa lỗi kỹ thuật mà không làm thay đổi nội dung của hợp đồng thì công chứng viên ghi lại cho đúng, đóng dấu và ký tên tại chỗ. Việc ghi thêm nội dung của hợp đồng thì theo luật nếu thay đổi nội dung của văn bản thì hai bên phải đến Văn phòng công chứng ký phụ lục hợp đồng. Việc Văn phòng công chứng thêm chữ nhà vào hợp đồng ủy quyền ngày 27/04/2016 giữa bà T., ông V.T. với ông T. thì không có làm thay đổi nội dung của hợp đồng ủy quyền. Việc thêm chữ nhà vào hợp đồng ủy quyền thì có báo cho ông V.T. và ông T., việc bà T. có biết hay không thì ông không biết, ông V.T. phải có trách nhiệm báo cho bà T. được biết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đồng ý. Vì ông V.T., bà T. khi ký hợp đồng ủy quyền thì công chứng viên đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, giải thích luôn nội dung của hợp đồng về việc ông T. có quyền quyết định toàn bộ các vấn đề được ủy quyền đối với đất, hoa màu, vật kiến trúc (bao gồm nhà cửa và các công trình khác...). Nếu ông T. không nhận được tiền bồi thường nhà thì từ vật kiến trúc trong hợp đồng thì phải giải thích như thế nào. Theo định nghĩa bộ xây dựng, từ điển Việt Nam thì vật kiến trúc bao gồm có nhà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T. trình bày rằng: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. thì không thống nhất. Vì sau khi có bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì CN. có mời vợ chồng bà T. và ông V.T. lên làm việc về việc chi tiền theo bản án thì vợ chồng bà T. thống nhất cho CN. chi cho ông số tiền 628.122.922 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng), có biên bản ghi nhận và các đương sự đồng ý ký tên. Việc vợ chồng bà T. được bồi thường tổng cộng số tiền bao nhiêu thì ông không được biết. Ông chỉ nhận số tiền tổng cộng 628.122.922 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) theo bản án và biên bản của CN. còn phần tiền còn lại thì chuyển qua cơ quan thi hành án quận Cái Răng vì nghe nói ông V.T. còn nợ nhiều người. Sau đó, ông được biết số tiền này đã được chi trả cho những chủ nợ của ông V.T.. Việc Văn phòng công chứng thêm chữ nhà vào hợp đồng ủy quyền ngày 27/04/2016 thì ông có biết, ông V.T. và bà T.

cũng biết. Việc thêm chữ nhà cũng không làm thay đổi bản chất, nội dung của vụ việc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan BQL.: Qua rà soát hồ sơ bồi thường, Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cung cấp thông tin và có ý kiến như sau:

Bà Trần Thị T., ngụ tại: số 373E khu vực P., phường T., quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bà Trần Thị T. có phần tài sản gồm đất, nhà, vật kiến trúc (đất CHN diện tích 180,2m²).

Năm 2017, toàn bộ phần đất, nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bán thành phẩm giấy thể thao (Doanh nghiệp chế xuất) thuộc khu Công nghiệp Hưng Phú 2B, phường Ph., quận Cái Răng.

Ngày 03 tháng 4 năm 2017, CN. (nay là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận) tiến hành kiểm đếm lập hồ sơ bồi thường phần đất, nhà, vật kiến trúc (nhà, công trình kiến trúc xây dựng trên đất của bà T. và một phần diện tích 116,8m² được xây dựng trên đất của bà Lê Thị Ngọc B.).

Ngày 21/4/2017, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng ban hành Quyết định số 1500/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 180,2m² để thực hiện dự án.

Ngày 20/4/2017 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng thẩm định số 1476/ QĐ-UBND về việc phê duyệt phương pháp bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị T., chi tiết như sau:

Về đất: 83.252.400 đồng (Tám mươi ba triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm đồng).

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp: 37.842.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Nhà: 758.713.200 đồng. (Bảy trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng)

Vật kiến trúc: 65.929.392 đồng (Sáu mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Các chính sách hỗ trợ: 66.520.400 đồng (Sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn, bốn trăm đồng).

Tổng cộng: 1.012.257.392 đồng (Một tỷ, không trăm mười hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng).

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền số 72 ngày 27/4/2016 giữa bà Trần Thị T. và ông Nguyễn Văn T..

Căn cứ bản án số 153/2017/DS-PT ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 11/10/2017 tại CN..

Ngày 12/10/2017, CN. đã chi số tiền 1.012.257.392 đồng (Một tỷ, không trăm mười hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng) (có giấy rút tiền), ông Nguyễn Văn T. ký nhận. Sau đó, ông Nguyễn Văn T. nộp lại Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất số tiền 421.934.470 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) (trong đó tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và thời gian kiểm tra hoạt động đất nền, tiền hỗ trợ ổn định cuộc sống làm mất nông nghiệp, tiền nhà xây dựng trên đất Lê Thị Ngọc B. diện tích 116,8m²). Tổng cộng ông Nguyễn Văn T. chỉ nhận số tiền 590.322.922 đồng (Năm trăm chín mươi triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).

Ngày 13/10/2017, ông Cao Huỳnh Đức có Đơn yêu cầu và Tòa án nhân dân quận Cái Răng kính gửi Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất về việc tạm ngưng phát tiền cho bà Trần Thị T..

Ngày 19/10/2017, Tòa án nhân dân quận Cái Răng có Quyết định số 82/2017/QĐ-BPKCTT về việc đề nghị Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số tiền 421.934.470 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng).

Ngày 20/9/2018, Chi cục Thi hành án quận Cái Răng có Công văn số 32/CCTHADS về việc đề nghị chuyển số tiền 421.934.470 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) để thi hành án theo bản án số 88/2017/DSST ngày 11/12/2017 và các bản án khác.

Ngày 24/9/2018, CN. đã chuyển số tiền 421.934.470 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) theo đề nghị của Chi Cục thi hành án dân sự quận Cái Răng để thi hành án (có ủy nhiệm chi).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh V.T. Phần trình bày rằng: Ông và bà Trần Thị T. không biết việc Văn phòng Công Chứng T.N. thêm chữ nhà vào hợp đồng ủy quyền ngày 27/04/2016. Chữ ký và chữ viết trong biên bản việc chi trả tiền bồi hoàn ngày 11/10/2017 chính là chữ ký và chữ viết của cá nhân ông, ông ký và ký thay cho bà T.. Đồng thời, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T..

Buộc bị đơn Văn phòng công chứng T.N. phải bồi thường thiệt hại số tiền 825.233.600 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày ngày 12/10/2017 đến ngày 16/12/2021 với số tiền 310.287.834 đồng (Ba trăm mười triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chưa thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn T. về việc yêu cầu liên đới với Văn phòng công chứng T.N. trả số tiền 825.233.600 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày ngày 12/10/2017 đến ngày 16/12/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 27 tháng 12 năm 2021 bị đơn Văn phòng công chứng T.N. kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng kháng nghị

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu tiền bồi hoàn hỗ trợ về chính sách đối với bị đơn Văn phòng công chứng T.N. vì không phải lỗi của Văn phòng công chứng T.N., nguyên đơn chỉ yêu cầu Văn phòng công chứng T.N. bồi thường tương đương với phần lỗi của mình theo quy định của pháp luật.

Người kháng cáo Văn phòng công chứng T.N. cho rằng phía Văn phòng công chứng T.N. tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: đồng ý nhận bồi thường từ Văn phòng Công chứng T.N. là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu được nhận số tiền trên tại phiên tòa hôm nay. Còn đối với bị đơn Toàn nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người kháng cáo Văn phòng công chứng T.N. cho rằng đã chuẩn bị sẵn số tiền bồi thường cho nguyên đơn. Đồng ý giao số tiền trên tại phiên tòa.

**Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ các bên cung cấp cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng là có cơ sở. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát rút kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã nhận bồi hoàn và bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm nên cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp về tiền bồi hoàn và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” là phù hợp

[2] *Xét về phần thủ tục:* người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn và bị đơn Văn phòng công chứng T.N. đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Văn phòng công chứng T.N. có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Xét thấy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận các đương sự là đúng pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Việc Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm là việc ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên cấp sơ thẩm không có lỗi về phần này.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Văn phòng công chứng T.N.. Sửa bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Trần Thị T. với bị đơn Văn phòng công chứng T.N..

Văn phòng công chứng Tay Nam bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị T. số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) (các bên đương sự đã giao nhận xong số tiền bồi thường)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn T. về việc yêu cầu liên đới với Văn phòng công T.N. trả số tiền 825.233.600 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày ngày 12/10/2017 đến ngày 16/12/2021.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Văn phòng công chứng T.N. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nguyên đơn được nhận lại 18.378.500 đồng (Mười tám triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008003 ngày 01/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Văn phòng công chứng T.N. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008158 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- TAND Q.Cái Răng;
- THADS Q.Cái Răng;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Tuyết Mai